TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Trần Xuân Văn**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Thành**
Ông Võ Văn Cường

Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thùy Dung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè , tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa***:** không có.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1987 (*có mặt)*

Địa chỉ:Ấp 5, xã P, huyện C , tỉnh T.

2. Bị đơn: **Anh Lê Hoàng V**, sinh năm: 1990 (*có mặt)*

Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:* Chị và anh V quen biết nhau qua may mối, sau thời gian tìm hiểu, hai bên quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ tháng 6/2018, do hai bên không thống nhất về công việc và nơi ở nên bắt đâu phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Anh V bỏ về quê sinh sống, hai bên đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị C xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Phương T, sinh ngày 05/6/2017 và Lê Hoàng L, sinh ngày 30/7/2018. Hiện cháu T đang sống cùng ông bà nội và anh V, cháu L đang sống cùng chị C. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi khi 02 con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Tại bản khai ngày 07/3/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hoàng V trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về tình trạng hôn nhân, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phương T và Lê Hoàng L như chị C trình bày. Do cháu Lê Phương T được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ nên khi ly hôn anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phương T, đồng ý giao cháu Lê Hoàng L cho chị C nuôi dưỡng, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi cháu T 750.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nếu giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Bị đơn anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, anh mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phương T không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Đồng ý giao cháu Lê Hoàng L cho chị C nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, lao động được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Hoàng V là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh Lê Hoàng V không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74 ngày 16/8/2016 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cuộc sống hôn nhân của hai bên đã không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bản thân anh V, chị C và gia đình hai bên đã trở nên trầm trọng, không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ được. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Bản thân chị C khẳng định không còn tình cảm với anh V, không mong muốn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

[3] Về con chung: Hai bên thống nhất trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phương T, sinh ngày 05/6/2017 đang sống cùng anh V và cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 30/7/2018 hiện đang sống cùng chị C. Xét yêu cầu được nuôi cả 02 con chung của chị C, và yêu cầu được nuôi cháu Lê Phương T của anh V, Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Lê Phương T và cháu Lê Hoàng L tại thời điểm xét xử đều chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên xét về điều kiện nuôi con, điều kiện ổn định về nơi ở của hai bên thì hiện tại cháu T đã sống cùng anh V từ nhỏ, môi trường sống tốt, điều kiện phát triển về tâm lý, sứ khỏe của cháu ổn định. Bản thân anh V có thu nhập và công việc ổn định, đủ khả năng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Phương T. Đối với chị C hiện đang nuôi cháu L tại Thành phố Hồ Chí Minh. Công việc của chị C hiện là công nhân, thuê nhà để ở. Việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L phải nhờ người khác hỗ trợ trong. Mức thu nhập bình quân chị C hiện có là 10.000.000 đồng/tháng. Đối với điều kiện nơi ở, mức thu nhập trên dùng để trang trải cuội sống của 03 người tại khu vực thành thị là không đảm bảo ổng định. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu T cho anh V nuôi và giao cháu L cho chị C nuôi là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh V không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 750.000 đồng. Xét việc cấp dưỡng của anh V cho cháu L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Nợ chung: không có

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị C phải chịu án phí HNST. Anh V phải chị ánh phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Lê Hoàng V;

2. Về con chung: giao cháu Lê Phương T, sinh ngày 05/6/2017 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu;

Giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 30/7/2018 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh V, chị C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09838 ngày 22/02/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như đã thi hành xong.

Anh Lê Hoàng V phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị Nguyễn Thị C, anh Lê Hoàng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn